TRỞ NGẠI TÂM LÝ CỦA HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ TRONG HÀNH VI THAM GIA HỌC GIÁO DỤC GIỚI TÍNH

Nguyễn Phương Lan

Ban Tổ chức Tỉnh uỷ, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

TÓM TẮT

Trong nghiên cứu này, trở ngại tâm lý của học sinh trong hành vi tham gia học giáo dục giới tính được đánh giá trên hai biểu hiện: 1) Tâm lý ngại thể hiện tính chủ động trong tìm hiểu, lĩnh hội kiến thức giáo dục giới tính; 2) Tâm lý ngại bộc lộ, chia sẻ những kiến thức của bản thân về giáo dục giới tính. Kết quả nghiên cứu cho thấy, học sinh gặp trở ngại tâm lý trong hành vi tham gia học giáo dục giới tính ở hai biểu hiện nghiên cứu là khác nhau. Các em có tính tích cực, chủ động trong lĩnh hội kiến thức giáo dục giới tính tương đối tốt. Nói cách khác, trở ngại tâm lý mà học sinh gặp phải trong vấn đề này ở mức độ ít. Song trở ngại tâm lý trong hành vi bộc lộ, chia sẻ những kiến thức của bản thân là khá cao (mức 3). Các biểu hiện trở ngại chứng tỏ học sinh có quan niệm kiến thức giới tính là những điều thầm kín, ngại bộc lộ trước thầy cô giáo và sợ các bạn chê cười, nói ra ngượng miệng.

Từ khoá: *Trở ngại tâm lý; Giáo dục giới tính; Học sinh trung học cơ sở.*

Ngày nhận bài: 1/10/2012; *Ngày duyệt đăng bài:* 20/10/2012.

Đặt vấn đề

Học sinh trung học cơ sở là độ tuổi từ 11, 12 đến 14, 15 tuổi. Đó là những học sinh đang theo học từ lớp 6 đến lớp 9 tại các trường trung học cơ sở, những học sinh này thuộc lứa tuổi thiếu niên. Đây là lứa tuổi đặc biệt nhạy cảm với các vấn đề tâm sinh lý cũng như phát triển nhân cách. Các em phát triển nhanh về cơ thể, có nhu cầu tìm hiểu về giới tính. Các em tò mò, muốn thử nghiệm cái mới trong nhiều lĩnh vực của cuộc sống, trong đó có cả lĩnh vực tình dục. Nhằm hình thành nên những phẩm chất, đặc điểm cũng như tâm thế của nhân cách con người, quy định nên thái độ, hành vi cần thiết cho xã hội của con người đó đối với những đại diện của giới kia thì việc trang bị kiến thức giới tính cho học sinh là cần thiết. Tuy nhiên, giáo dục giới tính trong nhà trường hiện nay mới đáp ứng phần nào đòi hỏi của xã hội mà chưa thỏa mãn nhu cầu tìm hiểu của học sinh.

Tiếp cận giáo dục giới tính dưới góc độ tìm hiểu các trở ngại tâm lý của học sinh trung học cơ sở trong quá trình học giáo dục giới tính cho thấy, việc đưa giáo dục giới tính vào trường học đã gặp rất nhiều trở ngại không chỉ ở Việt Nam mà ngay cả những nước tiên tiến như Anh, Mỹ, Thụy Điển, Nga... Những nước này đã phải mất rất nhiều năm mới đưa được nội dung giáo dục giới tính vào trường học.

Với quan niệm trở ngại tâm lý của học sinh trung học cơ sở trong giáo dục giới tính là những yếu tố tâm lý hiện diện ở bản thân các em, gây khó khăn cho các em trong quá trình học tập giáo dục giới tính, chúng tôi nhận thấy rằng, trên thực tế học sinh đã gặp phải một số khó khăn, trở ngại tâm lý trong quá trình tham gia học giáo dục giới tính. Các trở ngại tâm lý trong hành vi học giáo dục giới tính biểu hiện khá phong phú, đa dạng, mà theo giả thuyết ban đầu của chúng tôi, nổi bật nhất là trong 2 nội dung: Tâm lý ngại thể hiện tính chủ động trong tìm hiểu, lĩnh hội kiến thức giáo dục giới tính; Tâm lý ngại bộc lộ, chia sẻ những kiến thức của bản thân về giáo dục giới tính.

Phương pháp nghiên cứu và cách đánh giá

Trong nghiên cứu này nhiều phương pháp nghiên cứu khác nhau được phối hợp sử dụng như: nghiên cứu tài liệu, điều tra bằng bảng hỏi, phương pháp quan sát, phỏng vấn sâu... với mục đích các phương pháp đó hỗ trợ, bổ sung cho nhau giúp kết quả nghiên cứu được khách quan và chính xác. Dữ liệu khảo sát thực tiễn được xử lý theo chương trình phần mềm SPSS dành cho những nghiên cứu khoa học xã hội.

Số lượng khách thể điều tra 600 học sinh trung học cơ sở, 100 phụ huynh, 80 giáo viên.

Việc đánh giá trở ngại tâm lý của học sinh được căn cứ vào điểm trung bình chung của kết quả học sinh trả lời các thang đo. Ngoài ra, chúng tôi còn tham khảo đánh giá của giáo viên và phụ huynh về những vấn đề liên quan đến trở ngại tâm lý của học sinh.

Điểm trung bình được tính theo 5 mức độ tương ứng với thang điểm từ 1 đến 5. Cách phân chia các mức độ trở ngại (chia khoảng) dựa trên các điểm biên giới liên tục. Vì vậy có các khoảng điểm liên tục là: Mức độ 1 - *không trở ngại*, có điểm trung bình < 1,5. Mức độ 2 - *ít trở ngại*, có điểm trung bình từ 1,5 đến < 2,5. Mức độ 3 - *trở ngại vừa phải*, có điểm trung bình từ 2,5 đến < 3,5. Mức độ 4 - *trở ngại khá cao*, có điểm trung bình từ 3,5 đến < 4,5. Mức độ 5 - *trở ngại cao*, có điểm trung bình từ 4,5 trở lên.

Kết quả nghiên cứu

Trở ngại tâm lý trong hành vi của học sinh trong quá trình tham gia học giáo dục giới tính được nghiên cứu ở 2 nội dung: Tâm lý e ngại thể hiện tính

chủ động trong tìm hiểu, lĩnh hội kiến thức giáo dục giới tính; Tâm lý ngại bộc lộ, chia sẻ những kiến thức của bản thân về giáo dục giới tính. Kết quả như sau:

1. Tâm lý e ngại thể hiện tính chủ động trong tìm hiểu, lĩnh hội kiến thức giáo dục giới tính

Để tìm hiểu vấn đề này, chúng tôi khảo sát biểu hiện hành vi của học sinh trong giờ học lý thuyết trên lớp của tiết học giáo dục giới tính.

Bảng 1: *Tâm lý ngại thể hiện tính chủ động trong tìm hiểu, lĩnh hội kiến thức giáo dục giới tính*

Các ý kiến	Phương án trả lời					ĐTB	ĐLC	Mức
	1	2	3	4	5			
1. *Khi thầy/cô giáo giảng về giáo dục giới tính, tôi chăm chú nghe giảng và nếu có mô hình thì nhìn mô hình để hiểu rõ hơn	16,2	12,9	36,2	12,9	21,8	2,89	1,33	3
2. Khi thầy/cô giáo giảng về những nội dung "nhạy cảm" tôi quay sang nói chuyện với bạn khác hoặc làm việc riêng để các bạn nghĩ là mình không thích nghe về những chuyện đó	44,0	27,5	18,2	7,6	2,7	1,98	1,08	2
3. Nếu thầy/cô giáo có biểu hiện ngại ngần trong khi giảng về một chủ đề giáo dục giới tính nào đó, tôi cũng cảm thấy ngại nếu tỏ ra chú ý nghe giảng	19,3	24,0	34,7	13,5	8,5	2,68	1,78	3
4. Khi đang chú ý nghe thầy/cô giảng về giáo dục giới tính, nếu bạn nào đó trong lớp nhìn tôi, tôi thấy ngượng và quay nhìn chỗ khác	24,0	25,3	27,5	13,5	9,8	2,6	1,56	3
5. Trong giờ học giáo dục giới tính tôi không nhìn lên bảng, giả bộ như không quan tâm nhưng vẫn lắng nghe thầy/cô giảng	35,8	24,5	17,3	7,6	14,7	2,41	1,41	2
6. Trong giờ học giáo dục giới tính, tôi nhìn thái độ của các bạn để làm theo	47,1	18,4	19,5	8,9	6,2	2,09	1,25	2

7. Tôi hay bị đỏ mặt trong giờ giáo dục giới tính	35,8	26,0	20,4	10,2	7,6	2,28	1,26	2
8. Tôi rất ngại tỏ ra chú ý nghe giảng giáo dục giới tính khi phải học chung với các bạn khác giới	30,7	21,3	2,,1	13,3	9,6	2,5	1,31	3
9. Trong tiết giáo dục giới tính, tôi không dám nhìn lên hình mô phỏng nhạy cảm	32,9	23,6	24,9	10,4	8,2	2,37	1,27	2
10. Tôi ít chú ý nghe giảng trong tiết giáo dục giới tính hơn so với các tiết học khác	27,3	27,1	26,2	9,3	10,0	2,48	1,26	2
11. Trong tiết giáo dục giới tính tôi làm bài của môn học khác hoặc làm việc riêng	48,6	17,1	14,9	10,5	8,9	2,14	1,36	2
ĐTB chung						**2,40**	**0,69**	**2**

*Ghi chú: * Khi xử lý ĐTB của thang đo, những câu đó đã được đổi điểm theo chiều ngược lại.*

1. Không bao giờ;
2. Hiếm khi;
3. Bình thường;
4. Tương đối thường xuyên;
5. Thường xuyên.

Nhìn tổng thể, ĐTB của toàn thang đo = 2,40 cho thấy, tính tích cực chủ động trong lĩnh hội kiến thức giáo dục giới tính của học sinh tương đối tốt. Nói cách khác, trở ngại tâm lý mà học sinh gặp phải trong vấn đề này ở mức độ ít (mức 2).

Tuy nhiên, nếu xem xét từng biểu hiện cụ thể trong từng item của thang đo, ta thấy có sự tác động từ thái độ của giáo viên đến hành vi học tập của học sinh. Các em cảm thấy ngại ngần, không dám tỏ ra chú ý nghe giảng nếu thấy giáo viên không tự tin (22,6% số em khẳng định như vậy và 34,7% số em cảm thấy lúc ngại lúc không). Một biểu hiện khác giữa học sinh với nhau cũng chứng tỏ trở ngại tâm lý trong hành vi học giáo dục giới tính: khi đang chăm chú nghe giảng, thấy bạn khác quay sang nhìn mình, các em cảm thấy ngượng và quay nhìn nơi khác, không dám nghe giảng nữa (23,3% số em có biểu hiện như vậy và 27,5% số em cảm thấy lúc ngượng lúc không). Như vậy, chúng ta thấy rằng, trong khi học bài trên lớp, thái độ của người khác hoặc sự chú ý của người khác đến mình có ảnh hưởng đến sự tập trung chú ý lắng nghe của học sinh. Mặc dù những năm gần đây, quan điểm và nhận thức của mọi người về giáo dục giới tính đã cởi mở hơn, thừa nhận tính tích cực của giáo dục giới tính đối với học sinh và những lợi ích xã hội mà giáo dục giới tính đúng đắn mang lại. Nhưng sâu trong nếp nghĩ, cách nhìn của nhiều người vẫn còn dư âm của những quan niệm, nhìn nhận lạc hậu trước đây. Mà cụ thể ở đây, các em vẫn

còn lấn cấn suy nghĩ rằng, người khác sẽ đánh giá mình ra sao nếu mình tỏ ra quá quan tâm đến giáo dục giới tính. Học sinh quan tâm đến thái độ của người khác dành cho mình khi tìm hiểu những kiến thức về giới tính.

Nếu như môn học khác, học sinh nỗ lực học tập, cố gắng tập trung nghe giảng, không che đấu sự cố gắng trong học tập của mình để được mọi người ghi nhận. Những cố gắng đó được người lớn và bạn bè đánh giá là phẩm chất tốt của một người học sinh, đáng để học tập, là gương tốt cho bạn bè noi theo. Họ gọi tên những phẩm chất đó như là: chịu khó, nỗ lực, cố gắng, chăm chỉ, ham học, hiếu học... Nhưng đối với giáo dục giới tính thì ngược lại, học sinh thường che đậy những hành vi thể hiện sự ham học đối với môn học. Các em quan tâm để ý dư luận đánh giá như thế nào khi mình chú ý nghe giảng, khi mình chuyên tâm học bài giáo dục giới tính... Bởi vì, vẫn còn đâu đó trong suy nghĩ của nhiều người đánh đồng việc tìm hiểu kiến thức giáo dục giới tính với những điều thiếu trong sáng, thiếu lành mạnh. Khi một học sinh tỏ ra thích thú học giáo dục giới tính, liền đó các em nhận được ánh mắt trêu trọc, thậm chí nghi ngờ hay những nhận xét thiếu lành mạnh về tư cách, đạo đức. Chính vì vậy, mà thái độ của giáo viên và bạn bè ảnh hưởng đến hành vi học bài của học sinh.

Thêm một điểm khác biệt nữa của giáo dục giới tính so với các môn học khác, nếu như việc sử dụng các mô hình trực quan trong các phương pháp dạy học hiện nay được đánh giá là tích cực, thì đối với giáo dục giới tính sẽ là phản cảm nếu giáo viên không biết sử dụng một cách hợp lý và khéo léo, đặc biệt là các chủ đề giáo dục giới tính nhạy cảm. Liên quan đến vấn đề này, có những biểu hiện hành vi trong giờ học lý thuyết của giáo dục giới tính thể hiện trở ngại tâm lý của học sinh: Khi thầy/cô giáo giảng về giáo dục giới tính với những hình vẽ trực quan, chỉ có 34,7% số học sinh đủ bản lĩnh thể hiện sự chăm chú nghe giảng và quan sát mô hình để hiểu rõ hơn, trong khi đó, 29,1% số em không đủ bản lĩnh để làm việc này và 36,2% số em có biểu hiện trung tính. Tình huống này thể hiện trở ngại cao nhất mà học sinh gặp phải (trong so sánh với các tình huống khác được nghiên cứu). Chúng ta phải khẳng định rằng, một số thuật ngữ trong giáo dục giới tính rất khó để hiểu, đặc biệt là đối với học sinh lứa tuổi trung học cơ sở, bởi đó là những từ chuyên môn trong y học, ví dụ như tên một số bệnh lây truyền qua đường tình dục, cơ chế lây bệnh, cơ chế thụ thai, sinh con, các bộ phận và đặc điểm của sinh dục nam, nữ... và tính nhạy cảm cũng cao trong việc sử dụng và gọi tên. Nhằm minh họa cho học sinh hiểu thấu đáo vấn đề và có biểu tượng về những vấn đề nêu trên, việc sử dụng giáo cụ, mô hình trực quan trong giảng bài là vô cùng cần thiết. Thế nhưng, việc sử dụng như thế nào là hợp lý để học sinh chấp nhận nó như một điều đương nhiên, khoa học là vấn đề cần quan tâm. Ở đây, chúng tôi đề cao thái độ của giáo viên trong quá trình giảng bài, một giáo viên lên lớp với thái độ tự tin, hóm hỉnh, hài hước, nhưng nghiêm túc sẽ điều chỉnh được bầu không khí và tinh thần học tập của học sinh.

Một cô giáo trường trung học cơ sở Kim Đồng, người có thâm niên 20 năm công tác đã từng chứng kiến sự trưởng thành của nhiều lứa học trò cũng như bao điều lầm lỡ, dại khờ đã để lại hậu quả đáng buồn là các em phải nuôi con ở tuổi 13, 14 đã chia sẻ: "*Đối với giáo dục giới tính đòi hỏi người giáo viên phải có tinh thần thép. Trước hết là thép để chịu búa rìu từ các bậc phụ huynh, thứ đến là thép để chịu áp lực từ phía học sinh. Nghe thì có vẻ vô lý, xưa nay học sinh chịu áp lực từ giáo viên chứ ai đi nói điều ngược lại, nhưng sự thật là như vậy. Khi tôi đưa mô hình minh họa bộ máy sinh sản nữ, đầu tiên là có tiếng cười lích rích từ một góc lớp phát ra, sau đó là tiếng bàn tán, sau đó là cả lớp nhao nhao cười, nói, trêu chọc, như ong vỡ tổ... trong tình huống đó, nếu yếu bóng vía hoặc mới ra trường thì có mà đứng khóc*".

Thông qua dự giờ, quan sát một số tiết học giáo dục giới tính của 2 trường trung học cơ sở Kim Đồng và Đất Đỏ, chúng tôi ghi nhận được một số biểu hiện của học sinh như sau: Khi tiếp nhận kiến thức giới tính học sinh rất hồ hởi, thích nói về bản thân, đặc biệt những thay đổi tâm sinh lý ở tuổi dậy thì, các em gần như muốn người lớn hiểu các em đang muốn được mọi người quan tâm tới, nhất là về vấn đề thay đổi của cơ thể, tình cảm tuổi học trò. Các em mong được cha mẹ, thầy cô chấp nhận như là những hoạt động sinh lý bình thường, đừng chê trách hay xúc phạm các em. Trước khi đến với chương trình giáo dục giới tính trong nhà trường, hầu hết các em đều có những kiến thức nhất định về giáo dục giới tính. Nhưng do các em còn e dè nên chưa bộc lộ ra, làm người lớn nhầm tưởng là các em "mù mờ" kiến thức giáo dục giới tính. Tất nhiên những kiến thức mà các em có được bằng cách chắp ghép, manh nhúm và thiếu hệ thống thì độ tin cậy không cao, đó là chưa kể đến những kiến thức có được từ những kinh nghiệm chưa được kiểm chứng như các em vẫn truyền tai nhau rằng, muốn không có thai khi quan hệ tình dục thì ăn nhiều rau răm, muốn phá thai thì uống thuốc cao ích mẫu... tất cả là những nguy hiểm tiềm tàng nếu áp dụng kiến thức giới tính đó vào thực tiễn. Nói về vốn kiến thức giáo dục giới tính, một học sinh lớp 9A1 trường Đất Đỏ nói: "*Trước khi học giáo dục giới tính ở trường, em đã biết qua internet, qua người lớn nói, cả em đọc sách nữa*". Còn bạn N.Ph cũng cho rằng: "*Em đã đọc những chuyện như thế này ở trên mạng rồi. Tuy nhiên, ở đây cô Nh. dạy kỹ hơn và hay hơn. Em rất thích học*".

Khi được giáo viên gợi ý, đưa ra chủ đề thảo luận, các em thật sự thoải mái và bộc bạch những băn khoăn, lo lắng, những bối rối của mình. Rất nhiều học sinh tỏ ra thích thú với việc nhập, sắm vai vào các nhân vật - một trong những nội dung giảng dạy của chương trình giáo dục giới tính. Tuy nhiên, vì tâm lý còn e ngại và cho rằng, giáo dục giới tính là một vấn đề tế nhị nên các em chưa thể hiện sự tự tin, chủ động trong lĩnh hội những kiến thức, chưa mạnh dạn hỏi hoặc trình bày quan điểm, thắc mắc với thầy cô. Do vậy, khi dạy các tiết học về giáo dục giới tính, giáo viên phải thật sự gần gũi và hiểu được tâm lý

của học sinh, đồng thời biết cách chủ động gợi mở đề tài để học sinh trình bày quan điểm, ý kiến trước bạn bè, thầy cô giáo.

Tóm lại, giáo dục giới tính ở trường trung học cơ sở là kênh thông tin chính thống trong việc cung cấp kiến thức giới tính cho học sinh. Học sinh chờ đợi và chấp nhận giáo dục giới tính một cách khá chủ động, tích cực. Tuy nhiên, trong giờ lý thuyết về giáo dục giới tính, học sinh còn có một số hành vi trở ngại nhất định, dù mức độ thấp nhưng đã làm nảy sinh ở các em những biểu hiện e dè, chưa tích cực, tự tin trong việc thể hiện thái độ, quan điểm, mong muốn tìm hiểu về giáo dục giới tính. Các trở ngại trong hành vi học bài trên lớp bao gồm thái độ e ngại vì châm chọc của bạn bè; thiếu tự tin và sợ dư luận lên án; cố gắng tìm việc làm khác nhằm che đấu hành vi nghe giảng của bản thân... Chính vì vậy, giáo viên đóng vai trò quan trọng trong việc chỉnh đốn thái độ học tập cũng như gần gũi, động viên học sinh thể hiện quan điểm cá nhân trong học giáo dục giới tính.

2. Tâm lý ngại bộc lộ, chia sẻ những kiến thức của bản thân về giáo dục giới tính

Khi học sinh tham gia vào quá trình học giáo dục giới tính, ở đây diễn ra 2 quá trình: nội tâm hóa và ngoại tâm hóa. Nội tâm hóa là học sinh phải chuyển hóa kiến thức từ bình diện bên ngoài vào bình diện bên trong bằng quá trình tiếp thu, lĩnh hội kiến thức. Ngoại tâm hóa là học sinh phải chuyển hóa kiến thức từ bình diện bên trong ra bên ngoài thông qua diễn đạt hiểu biết của mình bằng cách trả lời các câu hỏi, bài tập, tình huống... mà giáo viên yêu cầu. Cả 2 quá trình nội tâm hóa hay ngoại tâm hóa đều phụ thuộc vào tính tích cực, chủ động học tập của học sinh trong việc tiếp thu, lĩnh hội kiến thức cũng như việc thể hiện hiểu biết của bản thân để đáp ứng yêu cầu của môn học. Vì vậy, chúng tôi nghiên cứu một số hành vi thể hiện hiểu biết về kiến thức giáo dục giới tính trong giờ kiểm tra miệng và thảo luận nhóm trong tiết học để phát hiện các biểu hiện trở ngại tâm lý.

** Tâm lý ngại bộc lộ, chia sẻ những kiến thức của bản thân trong kiểm tra miệng giáo dục giới tính*

Trong bất cứ môn học nào, kiểm tra là điều bắt buộc để đánh giá kết quả học tập, giáo dục giới tính cũng không ngoại lệ. Tuy nhiên, trong thực tế, giáo dục giới tính không phải là môn học riêng, mà được tích hợp, lồng ghép vào các môn học khác nên việc kiểm tra cũng phụ thuộc vào môn học được tích hợp, không có điểm số riêng cho giáo dục giới tính. Để đảm bảo mục đích quan sát cũng như nhiệm vụ nghiên cứu, chúng tôi tiến hành thực nghiệm trong điều kiện tự nhiên bằng cách xây dựng và tổ chức dạy một số tiết giáo dục giới tính nhằm ghi nhận những biểu hiện trở ngại tâm lý trong kiểm tra miệng. Kết quả thu được như sau:

Bảng 2: Tâm lý ngại bộc lộ, chia sẻ những kiến thức của bản thân học sinh trong kiểm tra miệng giáo dục giới tính

Các ý kiến	Phương án trả lời					ĐTB	ĐLC	Mức
	1	2	3	4	5			
1. Khi bị gọi lên bảng kiểm tra trong giờ giáo dục giới tính, dù thuộc bài, song tôi vẫn rất lúng túng, ngại, đỏ mặt khi phải trả lời các câu hỏi của thầy/cô	40,0	14,7	19,8	15,5	10,0	2,41	1,4	2
2. Khi bị gọi lên bảng kiểm tra trong giờ giáo dục giới tính, tôi thường trả lời nhỏ tiếng hơn bình thường	24,6	19,1	28,9	12,2	15,3	2,74	1,36	3
3. Theo tôi, nếu cần kiểm tra kiến thức của học sinh về giáo dục giới tính thì thầy/cô nên ưu tiên chọn hình thức kiểm tra viết hơn là kiểm tra miệng	11,5	15,1	21,3	16,2	36,0	2,55	1,88	3
4. Khi bị gọi lên bảng kiểm tra trong giờ giáo dục giới tính, tôi rất ngại nếu phải dùng hình mô phỏng để minh hoạ cho câu trả lời	18,2	20,2	27,8	17,8	16,0	2,93	1,32	3
5* Khi bị gọi lên bảng kiểm tra trong giờ giáo dục giới tính, tôi trả lời câu hỏi của thầy/cô mà không ngại các bạn trong lớp cười nhạo	17,3	20,9	25,8	12,5	23,5	2,96	1,4	3
6. Nếu bị thầy/cô gọi lên kiểm tra miệng bài về bộ phận sinh dục của hai giới, có lẽ tôi khó đạt điểm tốt vì có những từ rất nhạy cảm, khó có thể nói to trước cả lớp	16,4	18,5	25,5	20,4	19,3	3,08	1,35	3
ĐTB chung						**2,94**	**0,78**	**3**

*Ghi chú: * Khi xử lý ĐTB của thang đo, những câu đó đã được đổi điểm theo chiều ngược lại.*

1. Không đúng;
2. Hầu như không đúng;
3. Bình thường;
4. Nhìn chung là đúng;
5. Đúng.

ĐTB của toàn thang đo bằng 2,94 cho thấy, tâm lý e ngại trong bộc lộ, chia sẻ kiến thức giới tính trong kiểm tra miệng giáo dục giới tính ở mức 3. Điều này chứng tỏ rằng, học sinh gặp trở ngại tâm lý trong hành vi kiểm tra

kiến thức giáo dục giới tính.

Nhìn chung, học sinh thường có tâm trạng lúng túng, lo lắng khi bị gọi lên kiểm tra với tất cả hầu hết các môn học. Khi bị kiểm tra, học sinh chịu áp lực từ nhiều yếu tố, giáo viên theo dõi từng câu trả lời, các bạn chăm chú theo lắng nghe, áp lực điểm số, sợ bị sai, sợ các bạn và cô giáo phát hiện ra những điểm yếu... tất cả những điều đó gây cảm giác lúng túng khi các em được gọi lên bảng kiểm tra bài. Riêng với môn giáo dục giới tính thì học sinh gặp những áp lực khác.

Trong quá trình trả bài giáo dục giới tính, học sinh phải gọi tên chính xác các bộ phận hay hiện tượng liên quan đến nội dung giáo dục giới tính. Vì vậy, ngoài những trở ngại mà học sinh thường gặp phải trong giờ kiểm tra thông thường, trong giờ kiểm tra miệng về kiến thức giáo dục giới tính, các em còn đối mặt với những trở ngại tâm lý không chỉ xuất phát từ bản thân các em, mà còn xuất phát từ các bạn trong lớp. Nếu đụng chạm đến các từ ngữ nhạy cảm thì một mặt, đó là cơ hội để các bạn ở dưới lớp cười, trêu chọc, mặt khác, bản thân các em cũng cảm thấy khó nói ra những thuật ngữ chuyên môn nhạy cảm trước chỗ đông người. Chính vì vậy, khi ở tình huống nhạy cảm là phải trả lời câu hỏi của thầy, cô về cấu tạo bộ phận sinh dục của hai giới hoặc phải dùng hình ảnh mô phỏng để minh hoạ cho câu trả lời, học sinh thường có những biểu hiện ngại ngùng rõ nhất (ĐTB lần lượt là 3,08 và 2,93). Điều này chứng tỏ rằng, trở ngại tâm lý ở mức độ khá cao khi các em được gọi trả lời. Một biểu hiện e ngại khác cũng khẳng định rằng, học sinh gặp trở ngại tâm lý trong việc bộc lộ, chia sẻ kiến thức, đó là việc nói nhỏ tiếng hơn bình thường (ĐTB = 2,74). Khi học sinh không muốn người khác nghe rõ lời mình nói hoặc thiếu tự tin thì cố gắng hạ giọng xuống, nói nhỏ, thậm chí lựa chọn hình thức thể hiện khác để bản thân bớt ngại ngần. Đây là biểu hiện trở ngại tâm lý trong hành vi tham gia học giáo dục giới tính của học sinh.

Quan sát một số tiết học giáo dục giới tính, chúng tôi ghi nhận một số học sinh được gọi lên không trả lời câu hỏi của giáo viên mà chỉ đứng; mặt hết quay nhìn cô rồi nhìn các bạn, nhìn ra cửa sổ; tay gãi đầu, gãi tóc, vân vê tà áo, bám vào mép bàn giáo viên; miệng nuốt nước bọt; vẻ mặt lo lắng, cười ngượng nghịu, da mặt đỏ ửng hoặc tái đi. Nếu được giáo viên gợi ý từng phần của câu hỏi, các em trả lời tiếng một; trả lời có hoặc không; hoặc trả lời qua quýt cho xong để về chỗ. Phỏng vấn một số em này sau giờ kiểm tra, hầu hết các em đều chia sẻ rằng, các em rất sợ phải nêu ra các kiến thức giới tính, trở ngại càng gia tăng với độ nhạy cảm của nội dung.

Các biểu hiện trở ngại của học sinh cho thấy rằng, kiến thức giới tính đối với các em vẫn còn là một điều tế nhị, học sinh vẫn chưa quen nói chuyện này trước đám đông, càng không thể mô tả rành mạch trước chốn đông người, cho dù đây rõ ràng là một nhiệm vụ học tập. Trước đây, một bộ phận xã hội coi

giáo dục giới tính là những điều dung tục, thiếu lành mạnh, các nhìn nhận này còn ít nhiều ảnh hưởng cho đến hôm nay. Bởi lẽ đó, học sinh cảm thấy bối rối, xấu hổ khi phải trình bày những điều "dung tục" trước mặt giáo viên và bạn bè. Do đó nếu phải kiểm tra, học sinh thích kiểm tra viết hơn là kiểm tra miệng (ĐTB = 2,55). Biểu hiện này lột tả hết những vướng mắc, e ngại, xấu hổ khi học sinh phải phát biểu trước lớp, trước đám đông, trước giáo viên. Điều này cho thấy rằng, không phải lúc nào nhận thức và hành vi cũng đồng thuận với nhau, học sinh ý thức được sự cần thiết, tầm quan trọng của giáo dục giới tính; các em có nhu cầu tìm hiểu, có tâm thế sẵn sàng học tập. Thế nhưng không phải lúc nào nhận thức hay thái độ đó cũng được chuyển hóa thành các hành vi học giáo dục giới tính mang tính chủ động, tích cực, tự tin.

Tóm lại, học sinh gặp trở ngại tâm lý trong hành vi kiểm tra bài trên lớp ở mức vừa phải. Các biểu hiện trở ngại chứng tỏ học sinh có quan niệm kiến thức giới tính là những điều thầm kín, mô tả trước thầy cô giáo và các bạn sẽ bị các bạn chê cười, nói ra ngượng miệng. Do đó, giáo viên có vai trò quan trọng trong việc tiến hành giáo dục giới tính cho học sinh theo phương pháp linh hoạt, phù hợp với mong muốn học sinh.

** Tâm lý ngại bộc lộ, chia sẻ những kiến thức của bản thân trong giờ thảo luận nhóm*

Trong cấu trúc giáo án giáo dục giới tính, ngoài phần mục tiêu bài học, nội dung kiến thức, phương pháp dạy học, phương tiện dạy học thì các hoạt động của giáo viên - học sinh cũng rất quan trọng. Thảo luận nhóm là phương pháp không thể thiếu trong mỗi tiết học giáo dục giới tính, nó đóng vai trò xuyên suốt và xâu chuỗi kiến thức của một tiết học. Trong mỗi hoạt động có hai phần: động não và trò chơi. Tổng kết các hoạt động có phần thực hành, luyện tập và vận dụng. Học sinh tham gia thảo luận trong nhóm phải đưa ra ý kiến, sắm vai, xây dựng các tình huống liên quan đến giới tính, tìm cách giải quyết các tình huống đó. Như vậy, học sinh sẽ có sự tương tác giữa bạn bè trong nhóm, giữa nhóm này với nhóm khác, giữa nhóm với giáo viên và điều đó đã làm nảy sinh rất nhiều tình huống đặc trưng của giáo dục giới tính.

Theo kết quả quan sát, trước khi tiến hành thảo luận, giáo viên đưa ra một số chủ đề liên quan đến bài học. Để đảm bảo công bằng, giáo viên thường cho học sinh tiến hành bốc thăm để chọn chủ đề. Các nhóm cố gắng cử đại diện lên chọn một chủ đề cho nhóm của mình. Nếu chọn được một chủ đề như mong muốn, cả nhóm thể hiện sự vui mừng. Ngược lại, có nhóm đề nghị được đổi chủ đề hoặc than phiền rằng chủ đề này "kỳ quá", làm sao dám nói đây... Đó là một số biểu hiện mà chúng tôi quan sát được trong giờ thảo luận nhóm, cho thấy học sinh có xu hướng lựa chọn các chủ đề giáo dục giới tính dễ thuyết trình, ít nhạy cảm.

Bảng 3: Tâm lý ngại bộc lộ, chia sẻ những kiến thức của bản thân học sinh trong thảo luận nhóm

Các ý kiến	Phương án trả lời					ĐTB	ĐLC	Mức
	1	2	3	4	5			
1. Trong giờ thảo luận nhóm giáo dục giới tính, tôi không phát biểu vì ngại thể hiện những hiểu biết hay quan điểm của mình	29,1	33,8	19,6	11,3	6,2	2,32	1,18	2
2. *Để chuẩn bị cho buổi thảo luận nhóm giáo dục giới tính, tôi sẵn sàng nhận bất cứ nội dung nào được phân công	10,9	15,9	24,2	21,3	27,8	2,61	1,33	3
3. Tôi không thể hiểu sao lại có những bạn rất thích phát biểu trong những giờ thảo luận nhóm giáo dục giới tính	15,6	17,3	34,9	16,4	15,8	2,99	1,26	3
4. Tôi sẽ phát biểu thoải mái nếu thảo luận nhóm về những chủ đề ít "nhạy cảm" của giáo dục giới tính	13,1	23,1	19,5	17,1	27,3	3,22	1,4	3
5. *Tôi tích cực tham gia phát biểu trong giờ thảo luận nhóm giáo dục giới tính	13,1	21,5	27,8	13,5	24,2	2,86	1,35	3
6. Khi nhóm của tôi bị phân chuẩn bị chủ đề giáo dục giới tính "nhạy cảm", nếu có thể thì tôi sẽ đề nghị các bạn chọn chủ đề khác	22,5	21,1	24,7	18,7	12,9	2,78	1,33	3
7. Trong giờ thảo luận, phải nhắc đến một số từ ngữ như "dương vật, âm vật, cương cứng, lông mu, xuất tinh..." tôi thường đỏ mặt hoặc không nói gì vì nó "kỳ cục"	19,3	22,7	24,2	16,2	17,7	2,95	1,87	3
8. Con gái thường ngại	16,7	22,2	20,7	19,5	20,9	3,06	1,39	3

không dám thảo luận về sự phát triển sinh lý tuổi dậy thì của nam								
9. Nam giới thường bao dạn hơn nên phát biểu rất thoải mái trong giờ thảo luận về sự phát triển sinh lý tuổi dậy thì	16,0	16,7	28,7	19,3	19,3	3,09	1,33	3
ĐTB						**2,88**	**0,55**	**3**

*Ghi chú: * Khi xử lý ĐTB của thang đo, những câu đó đã được đổi điểm theo chiều ngược lại.*

1. Không đúng; *4. Nhìn chung là đúng;*

2. Hầu như không đúng; *5. Đúng.*

3. Bình thường;

Để phân tích sâu nội dung này, chúng ta theo dõi kết quả nghiên cứu ở bảng 3. ĐTB của toàn thang đo bằng 2,88 cho thấy, tâm lý e ngại trong việc bộc lộ chia sẻ kiến thức trong thảo luận nhóm ở mức vừa phải. Nghĩa là học sinh có gặp trở ngại tâm lý trong hành vi tham gia học giáo dục giới tính ở mức độ trung bình.

Xem xét cụ thể, ý kiến "*để chuẩn bị cho buổi thảo luận nhóm giáo dục giới tính, tôi sẵn sàng nhận bất cứ nội dung nào được phân công*" có ĐTB = 2,61 cho thấy rằng, học sinh không coi tất cả kiến thức liên quan đến giáo dục giới tính là "bình đẳng", có sự phân biệt về mức độ nhạy cảm của từng chủ đề, đây là biểu hiện tâm lý e ngại của học sinh, trở ngại mà các em gặp phải là mức độ nhạy cảm của nội dung giáo dục giới tính. Vì vậy, *học sinh sẽ cảm thấy thoải mái hơn nếu thảo luận nhóm về những chủ đề giáo dục giới tính ít nhạy cảm* (ĐTB = 3,22), trong giờ thảo luận, phải nhắc đến một số từ ngữ như "dương vật, âm vật, cương cứng, lông mu, xuất tinh..." các em thường đỏ mặt hoặc không nói gì vì nó "kỳ cục" (ĐTB = 2,95). Trên thực tế có những nhóm đã xin đổi chủ đề khác để nói cho "đỡ ngại". "*Khi nhóm của tôi bị phân chuẩn bị chủ đề giáo dục giới tính "nhạy cảm", nếu có thể thì tôi sẽ đề nghị các bạn chọn chủ đề khác*" (ĐTB = 2,78). Như vậy, định kiến về giáo dục giới tính mà chúng ta nên chú ý ở đây là sự "phân biệt tinh tế hơn" hiện hữu trong hành vi của học sinh trong quá trình tiếp cận nội dung giáo dục giới tính chứ không phải là những đánh giá chung chung. Chính bản thân học sinh cũng cảm nhận được vấn đề này, do đó mà ai cũng ở trong tư thế "phòng thủ", không tiên phong và chờ xem các bạn khác có thái độ như thế nào rồi "nương" vào đó để có những phản ứng thuận chiều với dư luận. Một học sinh có phản ứng tích cực sẽ cảm thấy lép vế và có khả năng sẽ là đối tượng trêu chọc của các bạn khác trong lớp. Một áp lực vô hình buộc các em có hành vi sao cho tránh được những hình huống không mong muốn như vậy. Điều này chứng tỏ rằng, học sinh chưa

dám chủ động trong việc bộc lộ, chia sẻ kiến thức giáo dục giới tính.

Ngoài ra, chúng ta còn bắt gặp một số trở ngại tâm lý liên quan đến đặc trưng của giới tính: Nam giới thường bạo dạn hơn nên phát biểu thoải mái hơn trong giờ thảo luận về sự phát triển sinh lý tuổi dậy thì (ĐTB = 3,09). Con gái thường ngại không dám thảo luận về sự phát triển sinh lý tuổi dậy thì của nam (ĐTB = 3,06). Trong xã hội hiện nay, nam nữ bình quyền và bình đẳng như nhau. Thế nhưng, trong bất cứ cộng đồng nào, không phải lúc nào tất cả mọi người đều hành động theo những ý tưởng tốt đẹp mà xã hội đã xây dựng nên. Ngoài yếu tố pháp luật mà học sinh cần phải tuân theo thì hành vi của các em còn bị điều chỉnh bởi những yếu tố khác như dư luận, phong tục tập quán... Trong quan niệm cũ, nam giới được dung dưỡng nhiều điều hơn nữ giới, quan niệm đó đến tận bây giờ ít nhiều còn tồn tại, bởi thế các bạn nam có thể phát biểu một cách thoải mái hơn. Điều này thể hiện tính thiếu tự tin của học sinh, không tin vào khả năng của mình, đánh giá thấp bản thân, lo sợ. Vì vậy mà việc phát biểu trước lớp trong giờ thảo luận nhóm gặp khá nhiều trở ngại.

Cũng phải khẳng định rằng, có những học sinh khá bản lĩnh, khá tự tin khi ra mặt "phản pháo" sự chế nhạo của bạn bè khi phát biểu ý kiến để bảo vệ quan điểm của nhóm. Điều đó xảy ra ở tiết học với bài: *Sự phát triển tâm lý tuổi vị thành niên*; lớp 7A8, trường Kim Đồng. Lớp học được giáo viên chia ra thành 4 nhóm, mỗi nhóm có 6 - 7 em. Nhiệm vụ được giao là: *hãy nêu những dấu hiệu của tuổi dậy thì*. Nhóm thứ nhất viết lên bảng, cô giáo hỏi cả lớp: đúng chưa? chỉ một nhóm thứ nhất khẳng định là đúng. Nhóm thứ 2 có sự bàn tán: *Chưa đúng, còn thiếu, nhóm mình bổ sung đi*. Một bạn nam trong nhóm 2 lên tiếng: *Thôi cho qua đi, nói cái này kỳ cục quá, chủ đề sau phát biểu cũng được, sao hăng thế?* Bạn nữ - nhóm trưởng Q: *Có gì đâu phải ngại, ai chẳng trải qua giai đoạn này, đây là giờ học nghiêm túc cơ mà. Thưa cô, nhóm em bổ sung*. Q. liệt kê những dấu hiệu của tuổi dậy thì: *Lông mu, lông nách, yết hầu ở nam, kinh nguyệt ở nữ, âm hộ bắt đầu chúc xuống, dương vật cương cứng, xuất tinh, con trai không làm chủ được*... Cả lớp vỡ òa, cười ngặt ngẽo. Em ngừng lại, nghiêm mặt hỏi cả lớp: *Có gì phải cười, đây là chuyện nghiêm túc mà, nhóm mình đang bổ sung kiến thức cho nhóm 1 đó*. Có 1 bạn nam hỏi, *vậy thì bạn đang ở giai đoạn nào rồi? Mình đang ở giai đoạn như của các bạn* và em tiếp tục công việc. Lúc này, cả lớp chấn chỉnh, trật tự và im lặng lắng nghe.

Giáo dục giới tính được dạy cho học sinh trung học cơ sở với 2 hình thức là tích hợp trong tiết học và trong chương trình ngoại khóa. Xét 2 hình thức giảng dạy thì một số bộ phận giáo viên không thừa nhận giáo dục giới tính ngoại khóa là môn học chính khóa bởi nó không tuân theo những yêu cầu cần thiết, tối thiểu của một môn học. Giáo dục giới tính ngoại khóa có nhiều hình thức khác nhau nhưng có chung đặc điểm là mang đậm tính tuyên truyền và khuyến nghị, có yếu tố văn nghệ cao khi tổ chức dưới hình thức cuộc thi. Nếu

giáo dục giới tính được tiến hành trên tiết học, học sinh được giáo viên yêu cầu hoàn thành một số nhiệm vụ học tập. Học sinh buộc phải thực thi các yêu cầu đó. Như vậy, về tính chất giáo dục giới tính trên tiết học và ngoại khóa sẽ khác nhau.

Với mục đích tìm hiểu trở ngại tâm lý trong hành vi học giáo dục giới tính trong những hình thức học khác nhau, chúng tôi thiết kế hai tình huống để khảo sát biểu hiện hành vi của học sinh.

Tình huống thứ nhất thể hiện việc học giáo dục giới tính với hình thức tiết học: *Theo bạn, có nên dạy giáo dục giới tính cho nam và nữ học chung 1 phòng không? 1) Đó là những kiến thức chung, cần thiết cho tất cả, nên học chung cũng không sao. 2) Đó là những chuyện tế nhị, cần học nam riêng, nữ riêng.* Trong tình huống này, nếu học sinh chọn đáp án 1 - cho rằng giáo dục giới tính là cần cho cả nam và nữ nên học chung, chứng tỏ học sinh không có tâm lý e ngại vì người khác. Ngược lại, nếu các em chọn đáp án 2, nam nữ học riêng thì điều này chứng minh rằng học sinh ngại học chung với nhau. Kết quả thu được như sau: Có 48,9% học sinh đồng ý cho đó là những kiến thức chung, cần thiết cho cả nam và nữ nên học chung cũng không sao; còn lại 51,1% các em coi đó là những chuyện tế nhị, cần học nam riêng, nữ riêng, điều này chứng tỏ rằng học sinh gặp trở ngại tâm lý khi tham gia học chung giáo dục giới tính trên tiết học

Tình huống thứ hai thể hiện việc học giáo dục giới tính dưới hình thức thi: *Nếu nhà trường mở một cuộc thi hiểu biết về giáo dục giới tính, bạn sẽ: 1) Đăng ký tham gia cuộc thi; 2) Có giáo chỉ định thì sẽ tham gia; 3) Không tham gia. Cần chọn ra một nhóm 5 người tham gia cuộc thi, bạn sẽ: 1) Chọn tất cả là nam; 2) Chọn tất cả là nữ ; 3) Chọn thế nào cũng được.* Kết quả thu được như sau:

Bảng 4: *Ứng xử của học sinh trong việc tham gia cuộc thi tìm hiểu kiến thức về giáo dục giới tính*

Tỷ lệ % tham dự giáo dục giới tính			**Tỷ lệ % chọn thành viên dự thi**		
Đăng ký tham gia	Chỉ định sẽ tham gia	Không tham gia	Chọn tất cả là nam	Chọn tất cả là nữ	Chọn thế nào cũng được
55,3	29,1	15,6	6,5	8,4	85,1

Tình huống chúng tôi đưa ra ở trên nhằm khảo sát ứng xử của học sinh khi tham gia học giáo dục giới tính trong hoạt động ngoại khóa với hai ý chính: Thứ nhất, chúng tôi quan tâm đến tính chủ động của học sinh trong việc tham gia học giáo dục giới tính; Thứ hai là tính chủ động trong việc lựa chọn đối tượng khác cùng tham gia.

Chúng ta xem xét nội dung thứ nhất: tính chủ động của học sinh trong tham gia học giáo dục giới tính được xây dựng với 3 mức độ từ cao đến thấp: chủ động đăng ký tham gia; giáo viên chỉ định sẽ tham gia; cuối cùng là không tham gia. Kết quả ở bảng 4 cho thấy có 55,3% học sinh chủ động tham gia học giáo dục giới tính; 29,1% học sinh sẽ tham gia nếu cô giáo chỉ định; tuy nhiên vẫn còn 15,6% học sinh không muốn tham gia.

Xét nội dung thứ 2: tính chủ động trong việc lựa chọn đối tượng cùng tham gia học giáo dục giới tính. Trong nội dung này, mục đích nhằm kiểm tra tâm lý e ngại của học sinh khi học cùng bạn khác giới. Nếu các em chọn toàn nam hay toàn nữ tham gia, nghĩa là học sinh mong muốn không có bạn khác giới trong quá trình tham gia học tập. Điều này thể hiện sự e ngại của học sinh khi tham gia học giáo dục giới tính trước tất cả mọi người. Nếu các em chọn thế nào cũng được, tức là chọn một cách ngẫu nhiên, chứng tỏ học sinh không xấu hổ khi học với bạn khác giới. Căn cứ vào kết quả ở bảng 4 cho thấy, có 85,1% học sinh chọn thế nào cũng được, nghĩa là việc thi chung với bạn khác giới không là vấn đề. Việc nhiều em không phân biệt trai gái khi tìm hiểu giáo dục giới tính trong chương trình ngoại khóa (với hình thức thi) chứng tỏ rằng, trong tình huống thi thì mức độ ảnh hưởng của bạn bè gây trở ngại tâm lý trong hành vi học giáo dục giới tính giảm đi. Tuy nhiên, vẫn còn 6,5% học sinh chọn tất cả là nam, 8,4% chọn tất cả là nữ, cho dù cách chọn khác nhau nhưng có chung một dấu hiệu là toàn bạn cùng giới. Tổng cộng tỷ lệ % của 2 cách chọn này cho kết quả 14,9% em có biểu hiện e ngại khi tham gia học giáo dục giới tính dưới hình thức cuộc thi.

Như vậy, với những hình thức tổ chức học tập khác nhau đã tạo cho các em cách ứng xử khác nhau với trên cùng một đối tượng, đó là giáo dục giới tính. So với hình thức hoạt động ngoại khóa thì giáo dục giới tính trên tiết học đã gây ra một tỷ lệ lớn hơn (51,1%) học sinh có những né tránh, ngại ngùng giữa nam và nữ. Xét về mặt giải phẫu sinh lý học, ở độ tuổi này có những đặc trưng riêng của phát triển giới tính, học sinh nữ có kinh, vú phát triển, vì vậy các em có hiện tượng đau bụng, đau vú... Học sinh nam cũng có nỗi khổ riêng của tuổi dậy thì, như xuất tinh, cương cứng và các em trai không làm chủ được tình hình... về cấu tạo bộ phận sinh dục giữa 2 giới cũng khác nhau, khi vấn đề này được mô tả công khai trước lớp, đồng nghĩa với bí mật của mỗi giới đã công khai, nên các em xấu hổ, mong muốn giới kia không biết được bí mật của mình. Chính lúc này, thái độ của giáo viên đối với hiện tượng trên vô cùng quan trọng, để các em nhận ra rằng, tất cả những hiểu biết lẫn nhau giữa 2 giới là để thông cảm, sống có trách nhiệm với nhau. Đặc biệt là trách nhiệm trong việc giữ gìn và tôn trọng nhân cách của bạn mình, từ đó hình thành nên thái độ đúng mực trong quan hệ tình bạn, tình yêu.

** Những khác biệt về trở ngại tâm lý trong hành vi tham gia học giáo dục giới tính xét theo các tiêu chí*

Bảng 5: Những khác biệt về trở ngại tâm lý trong hành vi học giáo dục giới tính xét theo 3 tiêu chí

TT	Giới tính		Khối lớp				Nơi ở			
	Nam	Nữ	6	7	8	9	1	2	3	4
ĐTB	2,73	2,66	2,70	2,62	2,72	2,69	2,70	2,75	2,76	2,51
Sự khác biệt (p)	0,728		0,434				0,000			

Ghi chú:

1. Vũng Tàu (thành thị);
2. Bà Rịa (bán thành thị);
3 Tân Thành (nông thôn nông nghiệp);
4 Đất Đỏ (nông thôn ngư nghiệp).

Xét về tiêu chí giới tính và khối lớp, không có sự khác biệt về mặt thống kê, nhưng theo tiêu chí nơi ở lại có sự khác biệt về trở ngại tâm lý ở học sinh trong hành vi tham gia học giáo dục giới tính. Sự khác biệt về đặc điểm địa phương như thành thị, bán thành thị, nông thôn nông nghiệp, nông thôn ngư nghiệp đã dẫn đến sự khác nhau về mức độ trở ngại tâm lý ở học sinh các trường ($p = 0,00$). Không chỉ có học sinh gặp trở ngại tâm lý, mà cả giáo viên cũng gặp phải không ít khó khăn khi dạy giáo dục giới tính. Một giáo viên Trường trung học cơ sở Đất Đỏ (vùng nông thôn ngư nghiệp) chia sẻ: *Khó khăn mà tôi gặp phải đó là sự không hợp tác của các em học sinh khối 6. Khi cho các em xem hình ảnh, các em không dám nhìn, các em cũng không thắc mắc hay nói lên những điều mà các em biết. Do đó, giáo viên không nắm được các em đã hiểu và chưa hiểu chỗ nào để bổ sung cho các em.*

Tóm lại, trở ngại tâm lý của học sinh trong hành vi tham gia học giáo dục giới tính thể hiện trong tâm lý ngại thể hiện tính chủ động trong tìm hiểu, lĩnh hội kiến thức giáo dục giới tính và tâm lý ngại bộc lộ, chia sẻ những kiến thức của bản thân về giáo dục giới tính. Học sinh gặp trở ngại tâm lý trong hành vi tham gia học giáo dục giới tính ở hai biểu hiện trên là khác nhau. Các em có tính tích cực, chủ động trong lĩnh hội kiến thức giáo dục giới tính tương đối tốt. Nói cách khác, trở ngại tâm lý mà học sinh gặp phải trong vấn đề này ở mức độ thấp. Song trở ngại tâm lý trong hành vi bộc lộ, chia sẻ những kiến thức của bản thân là khá cao. Các biểu hiện trở ngại chứng tỏ học sinh có quan niệm kiến thức giới tính là những điều thầm kín, ngại bộc lộ trước thầy cô giáo và bạn học.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và đào tạo, *Tích hợp giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản vị thành niên trong trường trung học phổ thông*, Tài liệu tập huấn giáo viên, 2008.

2. Bộ Giáo dục và đào tạo, *Quy định về khung chương trình đào tạo năm học 2009 - 2010 dành cho trung học cơ sở*, 2009.

3. Nguyễn Thị Thanh Bình, *Nghiên cứu một số trở ngại tâm lý trong giao tiếp của sinh viên với học sinh khi thực tập tốt nghiệp*, Luận án tiến sĩ, 1996.

4. Vũ Dũng, *Từ điển tâm lý học*, NXB Từ điển Bách khoa, Hà Nội, 2008.

5. Bùi Ngọc Oánh, *Yếu tố tâm lý trong sự chấp nhận giáo dục giới tính ở thanh niên học sinh*, Luận án tiến sĩ.

6. Charles Donovan, *The History of Sex Education in the U.S*, 2011.

7. *Commitment to Sexual and Reproductive Health and right for All*, Framework for Action (1995) New York.